

Bản án số: **1821/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-11-2019

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nờ.

Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 5580/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Châu Huệ L**, sinh năm 1979; địa chỉ: TK51/11 đường M1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 20C đường M2, Phường N2, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Ông **Duong Anh K (Truong Winston D)**, sinh năm 1976; quốc tịch: Úc; địa chỉ: Australia.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Châu Huệ L trình bày:

Bà và ông Duong Anh K (Truong Winston D) tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2263 quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng, sau đó ông K trở về Úc và thực hiện thủ tục bảo lãnh bà sang Úc định cư. Đến năm 2003, bà xuất cảnh sang Úc đoàn tụ cùng chồng, tại đây, vợ chồng bà chung sống khoảng 03 tháng nhưng

không được hạnh phúc do giữa hai người có sự bất đồng về quan điểm, tính cách nên không hòa hợp được về tình cảm; vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau, cuối năm 2003 bà trở về Việt Nam đến nay. Sau thời điểm bà trở về Việt Nam, bà và ông Duong Anh K (Truong Winston D) còn liên hệ với nhau trong khoảng thời gian đầu nhưng ít liên lạc dần và đến nay chỉ liên hệ khi cần thiết. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Duong Anh K (Truong Winston D).

Về con chung: Giữa bà và ông Duong Anh K (Truong Winston D) không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt ngày 10 tháng 9 năm 2019 (đã được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia công chứng) bị đơn ông Duong Anh K (Truong Winston D) trình bày như sau:

Ông và bà Châu Huệ L tự nguyện kết hôn vào năm 1999, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2263 quyền số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc nhưng rồi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông và bà L đã sống ly thân từ cuối năm 2003 đến nay, do đó, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Huệ L, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà L được ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà Châu Huệ L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Duong Anh K (Truong Winston D), quốc tịch Úc, hiện đang cư trú tại Úc; nguyên đơn bà Châu Huệ L cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là ông Duong Anh K (Truong Winston D) hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 2263 quyền số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 1999, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Châu Huệ L và bị đơn ông Duong Anh K (Truong Winston D), hai người đã không còn chung sống từ năm 2003, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Đến nay, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và bị đơn ông Duong Anh K (Truong Winston D) đồng ý.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Châu Huệ L và ông Duong Anh K (Truong Winston D) chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và không thể giải quyết. Hai người không còn chung sống hơn 10 năm và cả hai cùng thừa nhận vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa thể hiện cuộc sống hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Nguyên đơn bà Châu Huệ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và ông Duong Anh K (Truong Winston D) cũng đồng ý, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Châu Huệ L được ly hôn với ông Duong Anh K (Truong Winston D).

Về con chung: Bà Châu Huệ L và ông Duong Anh K (Truong Winston D) cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Huệ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 57, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Huệ L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Huệ L được ly hôn ông Duong Anh K (Truong Winston D). Giấy chứng nhận kết hôn số 2263 quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 8 năm 1999 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Châu Huệ L và ông Duong Anh K (Truong Winston D) cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Châu Huệ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0013195 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn ông Duong Anh K (Truong Winston D) cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nở

Lê Thị Nhung

Nguyễn Văn Tuấn

